

HỒ SƠ YÊU CẦU MUA SẮM THUỐC GENERIC

Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic

Dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc bổ sung năm
2024-2025 (lần 2) của Bệnh viện
Da Liễu

Phát hành ngày: 20/02/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 115/QĐ-BVDL ngày 18/02/2025

Hình thức đấu thầu: Mua sắm trực tiếp

Phương thức: Một giai đoạn một túi hồ sơ

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Nguyễn Thị Phan Thúy

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN 1: THỦ TỤC ĐẤU THẦU	1
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU.....	1
CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU.....	9
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	14
CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU.....	24
PHẦN 2: YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU	40
CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP	40
PHẦN 3: ĐIỀU KIỆN HĐ VÀ BIỂU MẪU HĐ	41
CHƯƠNG VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HĐ.....	41
CHƯƠNG VII ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HĐ	49
CHƯƠNG VIII BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG	54
PHẦN 4: PHỤ LỤC	62

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chi dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15
Luật	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15
Nghị định số 24/2024/NĐ-CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Nghị định số 17/2025/NĐ-CP	Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Bệnh viện Da Liễu mời nhà thầu nhận HSYC Gói thầu thuốc Generic. Gói thầu mua thuốc có nhiều mặt hàng thuốc, mỗi mặt hàng thuốc thuộc gói thầu thuốc Generic (theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 07/2024/TT-BYT) được coi là một phần độc lập của gói thầu.
2. Số lượng và số hiệu các phần thuốc gói thầu: Quy định tại BDL.
3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nguồn thu hợp pháp khác.
4. Loại hợp đồng: Quy định tại BDL.
5. Thời gian thực hiện gói thầu là: 12 tháng, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có)), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu, khoản 4 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc
2. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu và khoản 2 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15.
3. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm d, e khoản 1 ; điểm a, b khoản 2 Điều 5 Luật Đấu thầu và khoản 2 Điều 4 của Luật số 57/2024/QH15

Nhà thầu phải nộp các tài liệu theo quy định tại BDL để chứng minh

Mục 4. Tính hợp lệ của thuốc

Thuốc đề xuất được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu theo quy định cụ thể tại BDL để chứng minh.

1. Thuốc dự thầu được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, cụ thể:
 - a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam. Trường hợp thuốc có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn thì thực hiện theo Mục 5.1 CDNT;

b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Dược;

c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp).

2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp theo quy định tại HSYC

3. Gói thầu thuốc generic

Gói thầu thuốc generic có thể có một hoặc nhiều thuốc generic, mỗi danh mục thuốc generic phải được phân chia thành các nhóm, mỗi thuốc generic trong một nhóm là một phần của gói thầu. Gói thầu thuốc generic được phân chia thành 05 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau:

3.1. Nhóm 1 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư số 07/2024/TT-BYT;

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất,

địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Thông tư số 07/2024/TT-BYT.

3.2. Nhóm 2 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

3.3. Nhóm 3 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

3.4. Nhóm 4 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

3.5. Nhóm 5 bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

4. Để chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu theo quy định tại Mục 4.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin về số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu của thuốc; về tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc của cơ sở sản xuất thuốc (hoặc các cơ sở tham gia sản xuất thuốc) và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc theo quy định tại BDL.

5. Đối với các thuốc thuộc danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành thì nhà thầu chỉ chào thầu thuốc sản xuất trong nước.

4.6. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu được phép làm rõ theo quy định tại Mục 3 Chương II.

Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến Bên mời thầu trước ngày quy định tại BDL có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu,

Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. HSYC được phát hành miễn phí. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 7. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất theo Mẫu số 01 Chương IV. Đơn đề xuất do nhà thầu chuẩn bị và điền theo Mẫu số 01 Chương IV có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV;
3. Bảng giá dự thầu theo Mẫu số 04 Chương IV;
4. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 05 Chương IV;
5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất;
6. Các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuộc đề xuất theo Mục 3 – Chương II;
7. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.

Mục 8. Giá dự thầu và giảm giá

Giá dự thầu ghi trong đơn và trong bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện

gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn đề xuất hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định của HSDX tại BDL.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDX thì HSDX của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDX không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một bản chụp HSDX, ghi rõ "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT" và "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Sửa đổi, nộp lại HSDX: Trường hợp cần sửa đổi HSDX đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDX đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDX, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDX mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDX trước khi chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSYC (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDX mới cho phù hợp với HSYC đã được sửa đổi.

3. Rút HSDX: nhà thầu được rút HSDX trước thời điểm đóng thầu.

4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDX trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDX nộp đều được mở thầu để đánh giá.

5. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

6. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 13 giờ, ngày 25 tháng 02 năm 2025.

2. Mở thầu:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu,

thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương III.
2. Trong quá trình đánh giá, Bên mời thầu làm rõ HSDX
 - Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ khai thuế cả nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDX của nhà thầu. Bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu.
 - Nhà thầu không tự làm rõ HSDX sau thời điểm đóng thầu.
 - Việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá dự thầu.

Mục 13. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 14. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu.

Điều 15. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 16. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 17. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 Luật Đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

- a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Bệnh viện Da Liễu, địa chỉ: số 2 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3. Số điện thoại: 028.39300095
- b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền Bệnh viện Da Liễu, địa chỉ: số 2 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3. Số điện thoại: 028.39300095
- c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Không có

Mục 18. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên Báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

Mục	Nội dung
1	Phạm vi gói thầu: - Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic - Chủ đầu tư: Bệnh viện Da Liễu - Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu: Mỗi phần là một loại thuốc, nhà thầu có thể tham dự một, nhiều hoặc tất cả các thuốc trong gói thầu - Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo Danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp tại phụ lục 1 Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nguồn thu hợp pháp khác. Hình thức hợp đồng (loại hợp đồng): Hợp đồng theo đơn giá cố định Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực..
2	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu: - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương. - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược còn hiệu lực với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc.
3	Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của thuốc đề xuất: - Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các thông tin của thuốc đề xuất tại Mẫu số 04 Chương IV – Bảng giá dự thầu. Các thông tin kê khai phải phù hợp với thông tin của thuốc đề xuất tại phần 4 Phụ lục - Danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp và thông tin trên Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu. 3.1 Nhà thầu phải nộp Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu. - Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: http://www.dav.gov.vn) đến trước thời điểm Tổ chuyên gia hoàn tất Báo cáo đánh giá HSDX; - Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của HSYC và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong HSYC (*). Thuốc trong thẻ kho phải được sản xuất

	(đối với thuốc sản xuất tại Việt Nam) hoặc nhập khẩu (đối với thuốc nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam) trong thời hạn hiệu lực (hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực) của giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu. - Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của HSYC và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong HSYC (*). Thuốc trong thẻ kho phải được sản xuất trong thời hạn hiệu lực của GMP. - Trong quá trình đánh giá HSĐX nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho. * Đối với mặt hàng thuốc dự thầu thuộc danh mục thuốc hiếm/thuốc nhập chuyên (Quy định tại Nghị định số 54/2017/NĐ-CP và sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP cho thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt), nhà thầu cần phải cung cấp: a. Giấy phép nhập khẩu (hoặc công văn phê duyệt đơn hàng nhập khẩu của Cục Quản Lý Dược); b. Cam kết sẽ hỗ trợ đơn vị thực hiện hồ sơ gửi Cục Quản lý Dược phê duyệt đơn hàng, hỗ trợ thủ tục chuyển nhượng cơ sở thuốc và cung ứng đầy đủ số lượng của mặt hàng thuốc dự thầu theo như HSYC. c. Cung cấp hình chụp sản phẩm. * Lưu ý: - Nhà thầu cung cấp Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Quyết định cấp số đăng ký hoặc Công văn gia hạn hiệu lực số đăng ký hoặc Giấy phép nhập khẩu của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế làm cơ sở đánh giá - Thẻ kho có dữ liệu tồn cuối cập nhật sau thời điểm phát hành Hồ sơ mời thầu và có đầy đủ chữ ký, đóng dấu hợp lệ của nhà thầu. 3.2. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc dự thầu được phép làm rõ theo quy định tại Mục 3 Chương II. 3.3. Thông báo trúng thầu (hoặc quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu) và hợp đồng nhà thầu đã ký kết của gói thầu mà Bên mời thầu sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp. Hợp đồng này phải thỏa các điều kiện sau: + Điều kiện về kết quả trúng thầu: nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó.
--	---

	+ Điều kiện về thời hạn hợp đồng: thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng. + Điều kiện về số lượng: số lượng của thuốc được yêu cầu trong Phụ lục 1 của hồ sơ yêu cầu này nhỏ hơn 130% so với số lượng của thuốc trong hợp đồng của gói thầu sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp. Lưu ý: - Trường hợp nhà thầu trúng thầu theo kết quả mua sắm tập trung của Sở Y tế các tỉnh thì nhà thầu phải nộp hợp đồng đã ký với các bệnh viện thuộc Sở Y tế tỉnh đó đáp ứng các yêu cầu nêu trên. Nhà thầu có thể nộp hợp đồng của nhiều bệnh viện để đáp ứng điều kiện về số lượng như trên. - Hợp đồng khung, văn bản thỏa thuận khung... theo kết quả mua sắm tập trung của Sở Y tế các tỉnh không được chấp nhận.
4.1	Làm rõ HSYC Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu muộn nhất trước 03 ngày làm việc kể từ thời điểm đóng thầu.
4.2	Sửa đổi HSYC Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
5	Ngôn ngữ sử dụng HSDX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.
6	Đơn đề xuất Đơn đề xuất do nhà thầu chuẩn bị và điền theo mẫu số 01 có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp - mẫu số 02). Trong trường hợp ủy quyền nhà thầu phải nộp kèm giấy ủy quyền các tài liệu để chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền như quyết định bổ nhiệm chức vụ của người được ủy quyền, quyết định thành lập chi nhánh ...
7	Yêu cầu về đơn giá: - Giá dự thầu trong HSDX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam

	- Giá dự thầu trong HSDX không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó đồng thời phải phù hợp với giá thị trường và cũng không được vượt quá đơn giá được phê duyệt trong danh mục hàng hóa kèm theo HSYC mà Bệnh viện đã phát hành.
8	Thời gian có hiệu lực của HSDX Thời gian có hiệu lực của HSDX là 60 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
9	Quy cách HSDX - Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”. Nhà thầu phải đảm bảo các bản có nội dung đồng nhất và được để trong phong bì có dấu niêm phong. - Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDX SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDX THAY THẾ”. - Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDX: - Phong bì chứa hồ sơ đề xuất được dán kín và có đóng dấu niêm phong, bên ngoài có ghi rõ tên nhà thầu, địa chỉ, số điện thoại nhà thầu. - Cách trình bày các thông tin trên mỗi túi đựng HSDX: Tên nhà thầu: Điện thoại, Fax: Kính gửi: BỆNH VIỆN DA LIỄU Địa chỉ: số 02 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM HỒ SƠ ĐỀ XUẤT <i>(Nhà thầu ghi rõ Bản gốc hoặc Bản chụp)</i> Tên gói thầu: _____
10	- Thời điểm đóng thầu: 13 giờ 00 phút ngày 25/02/2025. - Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDX): Nơi nhận: Văn phòng Dược - Khoa Dược, Bệnh viện Da Liễu. Địa chỉ: số 02 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM Nhận hồ sơ trong giờ hành chính, từ 7g15' đến 11g00' và từ 12g00' đến 16g00' các ngày làm việc.
11	Việc mở HSDX sẽ được tiến hành công khai vào lúc: 13 giờ 15 phút,

	Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: <i>KHOA DƯỢC – BỆNH VIỆN DA LIỄU</i> Địa chỉ: 2 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự mua sắm trực tiếp.
12	Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Bên mời thầu trong vòng 05 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.
13	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSDX đến Bên mời thầu trong vòng: 05 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Được áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSĐX phải đạt cả 04 mục thì mới được xét trúng thầu.

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 7 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I- Chỉ dẫn nhà thầu;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 03 Chương IV-Biểu mẫu);
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I- Chỉ dẫn nhà thầu.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09 Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Báo cáo tài chính, Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Báo cáo tài chính, Mẫu số 08

		với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là ____ ⁽⁶⁾ VND. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định tương ứng với giá dự thầu theo hệ số “k”				
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁷⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 ⁽⁸⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: ____ ⁽⁹⁾ - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: VND ____ ⁽¹⁰⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06a

Ghi chú:

- (1) Ghi năm yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: thời điểm đóng thầu là ngày 20 tháng 6 năm 2024 thì yêu về lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu ghi như sau: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu
- (2) Hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
- Hợp đồng cung cấp thuốc bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp thuốc bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp thuốc không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp ngày có thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 -31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(5) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện gói thầu theo năm}] \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số k.

(6) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(7) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu.

(8) Hợp đồng cung cấp thuốc tương tự:

- Nhà thầu được quyền cung cấp các hợp đồng cung cấp thuốc hoặc hóa đơn bán hàng kèm theo danh mục thuốc đã cung cấp cho các cơ sở khám chữa bệnh hoặc các cơ sở kinh doanh thuốc để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc tương tự về quy mô với phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự.

Lưu ý:

+ Không bắt buộc nhà thầu chỉ được chứng minh bằng các hợp đồng cung cấp thuốc cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

+ Mặt hàng thuốc tại hợp đồng tương tự không bắt buộc là mặt hàng thuốc dự thầu.

(10) Tương tự về quy mô: Được xác định bằng tổng các hợp đồng cung cấp thuốc tương tự tối thiểu bằng 70% giá trị các mặt hàng của các phần trong gói thầu mà nhà thầu tham dự. Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70%) giá trị của các phần trong gói thầu nhà thầu tham dự

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định áp dụng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật

MỤC	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Thông tin thuốc đề xuất tại Mẫu số 04 Chương IV-Bảng giá dự thầu	Đạt yêu cầu tại Mục 3 Chương II-Bảng dữ liệu đấu thầu	Không đạt yêu cầu tại Mục 3 Chương II-Bảng dữ liệu đấu thầu
2	Tên hoạt chất, hàm lượng/nồng độ, dạng bào chế, dạng trình bày, đường dùng, đơn vị tính của thuốc dự thầu	Đúng theo danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp	Không đúng theo danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp
3	Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc dự thầu	Đúng với yêu cầu tại Mục 4 Chương I-Chỉ dẫn nhà thầu	Không đúng với yêu cầu tại Mục 4 Chương I-Chỉ dẫn nhà thầu
4	Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi hoặc không có thông báo thu hồi	Đúng với yêu cầu tại Mục 4 Chương I-Chỉ dẫn nhà thầu	Không đúng với yêu cầu tại Mục 4 Chương I-Chỉ dẫn nhà thầu
5	Giấy đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp Hoặc Có giấy phép nhập khẩu thuốc do Bộ Y tế cấp.	Đạt	Không đạt
6	Thông báo (hoặc quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu) thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và hợp đồng nhà thầu đã ký kết mà Bên mời thầu sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp theo quy định tại Mục 3 Chương II. (bản sao công ty)	Đạt	Không đạt

7	Số lượng của thuốc được yêu cầu nhỏ hơn 130% so với số lượng của thuốc trong hợp đồng của gói thầu sử dụng kết quả để mua sắm trực tiếp	Đạt	Không đạt
8	Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng	Đạt	Không đạt
9	Bản cam kết đầy đủ, chính xác nội dung theo Mẫu số 05 Chương IV	Đạt	Không đạt
Đánh giá	Đáp ứng	Đạt cả 9 nội dung 1,2,3,4,5,6,7,8,9.	
	Không đáp ứng		Không đạt ít nhất 1 trong 9 nội dung 1,2,3,4,5,6,7,8,9.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá thấp nhất¹:

Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có);

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Bảng số 03

¹ áp dụng đối với trường hợp gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu

MỤC	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
1	Giá dự thầu trong HSĐX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
2	Giá dự thầu trong HSĐX không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó đồng thời không được vượt quá đơn giá được phê duyệt trong danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp kèm theo HSYC mà Bệnh viện đã phát hành	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đáp ứng nội dung yêu cầu
Đánh giá	Đáp ứng	Đạt cả 2 nội dung 1,2	
	Không đáp ứng		Không đạt ít nhất 1 trong 2 nội dung 1,2

Chương IV. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời thầu]

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]. Thời gian thực hiện gói thầu là [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là 60 ngày, kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2025.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.
7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.
8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp

bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)*]

Người ủy quyền

[*Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn đề xuất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu];

- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____[Ghi tên gói thầu] thuộc _____[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(Dành cho nhà thầu)

Tên gói thầu:

Tên nhà thầu:

Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu⁽¹⁾:

STT	STT hoạt chất theo HSY C	Tên thuốc c	Tên hoạt chất ⁽²⁾	Nồng độ, hàm lượng g	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc c	Hạn dùng g (Tuổi thọ)	GĐKL H hoặc GPNK ⁽³⁾	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính h ⁽⁴⁾	Số lượng dự thầu	Đơn giá dự thầu u	Thành tiền (15x16)	Giá kê khai/ kê khai lại(nếu có)	Phân loại ⁽⁵⁾	Thông tin kết quả trúng thầu					
																			Số Quyết định	Ngày ra quyết định	Số lượng g trúng g thầu	Số hợp đồng g	Ngày ký hợp đồng g	Tên Bệnh viện/S YT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)

....., ngày tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

1. Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU- GMP hoặc tương đương EU- GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.
 2. Gói thầu thuốc được liệu, thuốc cổ truyền thì ghi “Tên thành phần của thuốc”.
 3. Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ số giấy đăng ký lưu hành của thuốc hoặc số giấy phép nhập khẩu.
 4. Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên, ống, lọ, tuýp, gói, chai...).
 5. Phân loại: Đề nghị ghi rõ việc mặt hàng thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh như sau để phục vụ việc chấm điểm:
 - a. Thuốc do nhà thầu trực tiếp sản xuất và dự thầu: ghi ký hiệu là SX.
 - b. Thuốc do nhà thầu trực tiếp nhập khẩu và dự thầu: ghi ký hiệu là NK.
 - c. Thuốc do nhà thầu mua từ doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh khác để dự thầu: ghi ký hiệu là KD và ghi rõ tên cơ sở nhập khẩu đối với thuốc nhập khẩu.
- * Hướng dẫn về cách ghi các cột:
- Các cột (2), (4), (5), (6), (7), (9), (14), (15) được trích xuất từ Danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp.
 - Cột số (13) bắt buộc nhập yêu cầu về xuất xứ thuốc.
 - Các cột còn lại nhà thầu điền để hình thành giá dự thầu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
THUỘC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Kính gửi: Bệnh viện Da Liễu

Sau khi nghiên cứu HSYC của gói thầu: *[ghi tên gói thầu]* do Bệnh viện Da Liễu làm Bên mời thầu.

Chúng tôi, *[ghi tên nhà thầu]* cam kết các nội dung như sau:

1. Hạch toán tài chính độc lập.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây: Chủ đầu tư, Bên mời thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
5. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước đến hết năm tài chính 2023.
6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo đúng yêu cầu hồ sơ yêu cầu.
7. Các tài liệu trong hồ sơ đề xuất này đều chính xác, (kể cả tài liệu nộp thừa) nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì HSDX xem như không hợp lệ;
8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và hợp pháp của tất cả các tài liệu cung cấp trong HSDX.
9. **Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu về phạm vi cung cấp và tiến độ cung cấp:**
 - + Đảm bảo dự thầu đầy đủ số lượng của HSYC, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Da Liễu và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ đề xuất.
 - + Đảm bảo đáp ứng về thời hạn giao hàng: Thời hạn giao hàng là 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Da Liễu.
 - + Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu vận chuyển đến địa điểm cung cấp: Đảm bảo giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán thuốc ký kết với Bệnh viện Da Liễu.

+ Đảm bảo đáp ứng về thời hạn hợp đồng: đảm bảo cung cấp thuốc y tế theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Da Liễu và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

10. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu bảo hành: Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bên mời thầu, đơn vị ký hợp đồng hay cơ sở y tế và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.
11. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bệnh viện Da Liễu phải bảo đảm tối thiểu 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.
12. Thông báo bằng văn bản cho Bệnh viện trong trường hợp công ty không thể tiếp tục cung ứng thuốc đã trúng thầu và sẽ có biện pháp khắc phục trong trường hợp này.
13. Trong trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cam kết đảm bảo cung ứng thuốc đúng số lượng theo yêu cầu của HSYC và thuốc cung ứng được sản xuất hoặc nhập khẩu trước thời điểm giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực.
14. Trong trường hợp giấy phép GMP của mặt hàng thuốc tham dự thầu hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu cam kết đảm bảo cung ứng thuốc đúng số lượng theo yêu cầu của HSYC và thuốc cung ứng được sản xuất trong thời điểm giấy phép GMP còn hiệu lực.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ký tên và đóng dấu]

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:
[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]		

Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II⁽²⁾

1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài

liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Phần 2: YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

Theo danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp tại Phụ lục 1

2. Biểu tiến độ cung cấp

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

Thuốc được giao phải đầy đủ số lượng của HSYC, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Da Liễu và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ đề xuất.

Thuốc phải được giao theo từng đơn hàng của Bệnh viện Da Liễu trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Da Liễu.

Nhà thầu phải giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán thuốc ký kết với Bệnh viện Da Liễu.

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp thuốc theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Da Liễu và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

Nhà thầu thể hiện theo mẫu cam kết _ mẫu số 05 chương IV

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic

Tên dự toán: Mua sắm thuốc bổ sung năm 2024-2025 (lần 2) của Bệnh viện Da Liễu

Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Da Liễu.

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp tại Phụ lục 1

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.
- Thuốc phải đúng yêu cầu theo danh mục thuốc yêu cầu mua sắm trực tiếp đính kèm trong HSYC (Phụ lục 1)

2.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây: Nhà thầu sử dụng phần mềm hỗ trợ chấm thầu do Bên mời thầu cung cấp (phần mềm Bidder).

- File dữ liệu dự thầu xuất từ phần mềm hỗ trợ do Bên mời thầu cung cấp.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.5. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.6. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. ĐKC; 2.6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; 2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.

5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	Không áp dụng
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT .

13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bảo quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp

	đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương V– Phạm vi cung cấp;
19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng thuốc đến địa điểm giao hàng thuốc quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT .
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT .

22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, hoặc trừ trường hợp do Chủ đầu tư không thanh toán theo đúng quy định dẫn tới ảnh hưởng nguồn tiền của Nhà thầu, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác

	nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuộc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

	27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT .
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Bệnh viện Da Liễu
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ [<i>ghi tên Nhà thầu trúng thầu</i>]
ĐKC 1.9	Điểm giao hàng cuối cùng là: - Bệnh viện Da Liễu – Kho thuốc - Địa chỉ: 02 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.
ĐKC 2.8	Tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác); 2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 3. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 4. Điều kiện chung của hợp đồng; 5. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (<i>nếu có</i>); 6. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (<i>nếu có</i>); 7. Các tài liệu kèm theo khác (<i>nếu có</i>).
ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Khoa Dược - Bệnh viện Da Liễu Địa chỉ: 02 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: Fax: Địa chỉ email:
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với hợp đồng mua bán thuốc với chủ đầu tư là trước thời điểm hợp đồng

	có hiệu lực và trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hết thời gian thực hiện của hợp đồng mua bán.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: là ngay sau khi hai bên tiến hành ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: không yêu cầu .
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ : không yêu cầu .
ĐKC 8.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp. Giải quyết tranh chấp: Khi phát sinh tranh chấp, bên yêu cầu giải quyết tranh chấp gửi văn bản đề nghị giải quyết tranh chấp. Thời gian giải quyết tranh chấp là 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, nếu trong thời gian này hai bên không thỏa thuận được thì một trong các bên gửi đơn khiếu kiện giải quyết tranh chấp ra Tòa án tại nơi Bệnh viện có trụ sở chính để giải quyết, chi phí do bên có lỗi chịu.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: - Hóa đơn thuốc. - Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng (khi BV có yêu cầu). Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Nhà thầu cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định. Phạm vi điều chỉnh là theo nhu cầu thực tế trên cơ sở thỏa thuận của hai bên đối với việc điều chỉnh số lượng thuốc.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng.
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: - Điều chỉnh giá hợp đồng: không áp dụng, trừ trường hợp: + Nhà thầu có văn bản đề nghị giảm giá thuốc trúng thầu và được

	Bệnh viện xác nhận bằng Quyết định phê duyệt điều chỉnh giảm giá trúng thầu. - Điều chỉnh khối lượng hợp đồng: áp dụng theo các quy định hiện hành trong thời gian thực hiện hợp đồng.
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: không được phép.
ĐKC 15.1	Phương thức thanh toán: - Phương thức thanh toán: chuyển khoản. - Điều kiện thanh toán: Thuốc y tế được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho bệnh viện, được kiểm tra đạt chất lượng và được cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ, bao gồm: + Hóa đơn giá trị gia tăng theo số lượng giao hàng thực tế; + Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa; + Các giấy tờ kèm theo phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có). - Thời hạn thanh toán: thời hạn thanh toán tối đa 90 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.
ĐKC 19	Đóng gói thuốc: - Thuốc phải được đóng gói, bao bì cẩn thận trước khi giao hàng; - Cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói, thông tin về thuốc y tế ghi trên bao kiện đóng gói, ... do Bệnh viện quy định cụ thể với nhà thầu trong hợp đồng mua bán thuốc.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu có thể mua bảo hiểm thuốc y tế cung cấp theo hợp đồng bằng đồng tiền có thể tự do chuyển đổi để được bảo hiểm đầy đủ, bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng.
ĐKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển thuốc: + Thuốc phải được giao tại kho của Bệnh viện. + Bệnh viện thỏa thuận cụ thể theo hợp đồng mua bán thuốc với nhà thầu về địa chỉ và những điều khoản khác (nếu có) trong giao nhận hàng hóa. - Các yêu cầu khác: không yêu cầu.
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: - Tất cả các mặt hàng thuốc y tế do nhà thầu cung cấp theo hợp đồng mua bán thuốc với bệnh viện phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. - Bệnh viện Da Liễu, trong quá trình tiếp nhận hàng hóa sau khi đã công bố kết quả đấu thầu, trong giai đoạn thực hiện hợp đồng, có toàn quyền duy trì sự kiểm tra, các hàng hóa không đáp ứng yêu

	cầu sẽ bị từ chối tiếp nhận. Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác để đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật và Bệnh viện không phải chịu các phí tổn phát sinh thêm. Nếu không đáp ứng được thì Bệnh viện sẽ ngưng thực hiện hợp đồng với nhà thầu. - Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra do bệnh viện quy định: Kiểm tra cảm quan trước khi nhập kho.
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100%. Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu cho mỗi ngày chậm tiến độ đối với phần hợp đồng bị vi phạm. Mức khấu trừ tối đa: 8% (khi bên mua không vi phạm điều khoản thanh toán).
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: Thuốc thuộc trường hợp bảo quản lạnh (nhiệt độ 2-8°C) phải cung cấp được biểu đồ nhiệt độ từ khi xuất xưởng (từ nhà sản xuất) đến khi giao cho Bệnh viện để chứng minh nhiệt độ bảo quản không bị biến động làm ảnh hưởng đến chất lượng thuốc (khi có yêu cầu từ Bệnh viện).
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Chủ đầu tư quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh; thời hạn Nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư là trong vòng 48 giờ; Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc.
ĐKC 26.1	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:

(d)	Trường hợp thuộc dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng thuộc trúng thầu nhưng thuộc thay thế chưa được chào trong HSDX, chủ đầu tư được xem xét để nhà thầu thay thế thuộc theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: không yêu cầu.
ĐKC 28.1 (d)	Các hành vi khác: không yêu cầu.

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13. Thư chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng

Mẫu số 14. Hợp đồng

Mẫu số 15. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*.

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ đề xuất và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu]* với giá hợp đồng là *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 17 Chương VII – Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ yêu cầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 DKCT của HSYC]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Hợp đồng số:

Gói thầu: Gói thầu thuốc Generic

Thuộc dự toán: Mua sắm thuốc năm 2024-2025 của Bệnh viện Da Liễu

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;
- Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVDL ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Da Liễu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu “Gói thầu thuốc Generic” thuộc dự toán Mua sắm thuốc năm 2024–2025 của Bệnh viện Da Liễu và thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng số .../BVDL-KD ngày tháng năm 2024 của Bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bệnh viện Da Liễu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày tháng năm 2024.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (Bên A): BỆNH VIỆN DA LIỄU

Địa chỉ : 02 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 02839 305 995 - 02862 907 353

Fax : 02839 304 810

Tài khoản tại :

- Kho bạc Nhà nước Quận 3, TP.HCM

3743.0.1042861.00000 - 3713.0.1042861.00000

9527.2.1042861.00000 - 3714.0.1042861.00000

- Ngân hàng TMCP An Bình, CN. TP.Hồ Chí Minh: 0521007977007

Mã số thuế : 0301394608

Đại diện : **NGUYỄN THỊ PHAN THÚY**

- Chức vụ: **Giám đốc**

Nhà thầu (Bên B):

Địa chỉ :
Điện thoại :
Fax :
Tài khoản :
Mã số thuế :
Mã Ngân Hàng :
Đại diện :
Chức vụ :
Giấy ủy quyền : (nếu có)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo

Điều 2: Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
8. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3: Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4: Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5: Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: __[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng], trong đó:

+ Nguồn Sự nghiệp + BHYT: (bằng chữ:.....)

+ Nguồn Nhà thuốc dịch vụ: (bằng chữ:.....)

Giá trị này có thể thay đổi theo yêu cầu của Bên A trong quá trình thực hiện hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán: __ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 15.1 ĐKCT của HSYC].

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B trong thời gian 90 ngày nhận được hàng và đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

3. Trong trường hợp điều chỉnh thuế theo quy định tại Mục 14 E-ĐKC, việc điều chỉnh không làm tăng thêm giá hàng hóa đã được phê duyệt trúng thầu.

Điều 6: Loại hợp đồng:

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7: Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8: Hiệu lực hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ __ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] [ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]
dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và cơ sở y tế về việc không giao hàng đúng tiến độ, số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, sử dụng thuốc không đúng quy định tại khoản 5 Điều 15 Thông tư này theo hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu và cơ sở y tế.]

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ____, ngày __ tháng __ năm __)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSYC và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ/ hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhóm TCKT	Nguồn sự nghiệp + BHYT		Nguồn Dịch vụ	
												Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1															
2															
...															
Tổng giá trị theo nguồn												...		...	
Tổng cộng giá trị hợp đồng					... (Bằng chữ: ...)										

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

Số:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên cơ sở y tế ký hợp đồng]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp thuốc cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] ở ____ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.
- (2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:
“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”
- (3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.
- (4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.

PHẦN 4 PHỤ LỤC: DANH MỤC THUỐC YÊU CẦU MUA SẴM TRỰC TIẾP

Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Mua sắm thuốc bổ sung năm 2024-2025 (lần 2) của Bệnh viện Da Liễu

STT trong HSMT	STT trong Thông tư	Mã thuốc	Mã thuốc (Đã nạp theo Mua Sắm Công)	Hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCK T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo đảm dự thầu	Doanh thu yêu cầu	Nguồn tiền yêu cầu	Hợp đồng tương tự
1		225020000012		Butenafin	1%; 15g	Thuốc dùng ngoài		Dùng Ngoài	Tuýp	Nhóm 2	3.899	107.000	417.193.000		568.899.545		292.035.100
2		225028000025		Calci carbonat + Vitamin D3	1.250mg + 125UI	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4	310.000	840	260.400.000		355.090.909		182.280.000
3		225028000032		Cyclosporin	25mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 1	1.500	10.070	15.105.000		20.597.727		10.573.500
4		225023000044		Cyclosporin	25mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 2	1.500	9.800	14.700.000		20.045.455		10.290.000
5		225020000050		Fexofenadin hydroclorid	30mg/5ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Uống	Gói/ống	Nhóm 4	51.900	7.900	410.010.000		559.104.545		287.007.000
6		225021000064		Kali clorid	500mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4	18.000	800	14.400.000		19.636.364		10.080.000
7		225025000079		Lactobacillus acidophilus	$\geq 10^8$ CFU	Bột/cốm/hạt pha uống		Uống	Gói	Nhóm 4	30.141	987	29.749.167		40.567.046		20.824.417
8		225022000085		Metronidazol + Miconazol + Neomycin + Polymycin B + Gotu Kola	300mg + 100mg + 48,8mg + 4,4mg + 15mg	Viên		Đặt Âm Đạo	Viên	Nhóm 5	25.964	44.000	1.142.416.000		1.557.840.000		799.691.200
9		225025000093		Mometason furoat + Salicylic acid	0.1% + 5%; 15g	Thuốc dùng ngoài		Dùng Ngoài	Tuýp	Nhóm 4	320	75.000	24.000.000		32.727.273		16.800.000
10		225025000109		Povidon Iodin	10%; 90ml	Thuốc dùng ngoài		Dùng Ngoài	Chai/Lọ	Nhóm 4	1.240	11.550	14.322.000		19.530.000		10.025.400
11		GE135		Terbinafin (hydroclorid)	250mg	Viên		Uống	Viên	Nhóm 4	21.540	6.671	143.693.340		195.945.464		100.585.338

STT trong HSMT	STT trong Thông tư	Mã thuốc	Mã thuốc (Đã nạp theo Mua Sắm Công)	Hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCK T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Bảo đảm dự thầu	Doanh thu yêu cầu	Nguồn tiền yêu cầu	Hợp đồng tương tự
12		2250230 000112		Vắc xin phòng bệnh Zona	50mcg/liều	Thuốc tiêm		Tiêm	Liều	Nhóm 1	4.000	3.395.385	13.581.540.000		18.520.281.818		9.507.078.000
13		2250210 000125		Vắc xin phòng Thủy đậu	$\geq 10^3,3$ PFU	Thuốc tiêm đông khô		Tiêm	Liều	Nhóm 1	100	764.000	76.400.000		104.181.818		53.480.000
14		2250220 000139		Vắc xin phòng Ung thư cổ tử cung (9 chủng)	0,5ml/liều	Thuốc tiêm		Tiêm	Liều	Nhóm 1	10.800	2.572.500	27.783.000.000		37.885.909.091		19.448.100.000
15		2250200 000142		Vitamin C + kẽm	(100mg + 10mg)/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Uống	Gói/ ống	Nhóm 4	129.900	9.800	1.273.020.000		1.735.936.364		891.114.000
16		2250270 000158		Vitamin H (B8)	10 mg	Viên nang		Uống	Viên	Nhóm 4	103.950	3.990	414.760.500		565.582.500		290.332.350
Tổng số thuốc: 16 khoản																	
Tổng giá trị: Tổng giá trị dự kiến của gói thầu: 45.614.709.007 đồng (Bốn mươi lăm tỷ sáu trăm mười bốn triệu bảy trăm lẻ chín nghìn không trăm lẻ bảy đồng)																	